TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 4266/2024/KDTM-ST
Ngày: 10/9/2024
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Gái

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc B - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 25/2024/TLST-KDTM ngày 17/01/2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5438/2024/QĐXXST-KDTM ngày 16/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6581/2024/QĐST-KDTM ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Trụ sở: B N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Vĩnh K và ông Lê Hoàng G (Theo Giấy ủy quyền số 3024/UQ-PVB ngày 03/5/2024)

Địa chỉ liên lạc: lầu M, số B L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Lê Hoàng G có mặt; ông Lê Vĩnh K vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH M

Địa chỉ: A N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Trần Quỳnh N, sinh năm 1985

Thường trú: 46 đường số E, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: Căn 22.6 Topaz 1, khu C, I N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Ngày 05/09/2019, Công ty TNHH M và Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là "P") đã cùng ký kết Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

Hợp đồng số 280/2019/HDTD/PVB-CN.GV ngày 05/09/2019 với số tiền vay 532.000.000 đồng.

• Thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

• Nợ gốc: được trả 60 kỳ, 01 tháng/kỳ.

• Lãi suất cho vay: trong 12 tháng đầu tiên là 8,99%. Sau đó lãi suất cho vay được xác định theo công thức: Lãi suất cho vay = LSCS + (-) biên độ 4,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng 1 lần. Trong đó LSCS là Lãi suất tiền gửi Đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ dành cho khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng C từng thời kỳ.

* Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

* Lãi suất chậm trả: bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty TNHH M đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký. Do đó, P đã nhận bàn giao và bán đấu giá tài sản bảo đảm của Công ty TNHH M tuy nhiên vẫn không đảm bảo đủ nghĩa vụ nợ tại P.

Tạm đến ngày 26/6/2024, dư nợ của Công ty TNHH M cụ thể như sau:

Nợ gốc: 149.897.286 đồng

Nợ lãi: 178.644.639 đồng (gồm 79.485.774 đồng nợ lãi quá hạn, 74.743.924 lãi chậm trả trên gốc quá hạn và 24.414.941 lãi chậm trả trên lãi quá hạn)

Tổng nợ: 328.541.925 đồng.

Vì các lẽ trên, để bảo vệ quyền và lợi ích của Ngân hàng TMCP Đ, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện Công ty TNHH M tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, TP .. Kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các vấn đề sau:

+ Buộc Công ty TNHH M thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền: 328.541.925 đồng, bao gồm 149.897.286 đồng nợ gốc và 178.644.639 đồng nợ lãi tạm tính đến ngày 26/6/2024.

+ Buộc Công ty TNHH M Clean thanh toán phần nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi suất phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho

vay số 280/2019/HĐTD/PVB-CN.GV ngày 05/09/2019 kể từ ngày 27/6/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin hoạt động của doanh nghiệp, nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của bị đơn, thực hiện niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn và người đại diện theo pháp luật để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn không có mặt tại Tòa án nên không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Hoàng G đã giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc thanh toán đối với bị đơn và điều chỉnh số tiền thực tế tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2024 là 336.482.358 đồng; trong đó: dư nợ gốc là 149.897.286 đồng; lãi trong hạn là 79.485.774 đồng, lãi quá hạn (lãi trên gốc quá hạn): 81.029.309 đồng, lãi chậm trả (lãi trên lãi quá hạn) là 26.069.989 đồng; số tiền lãi sẽ được tiếp tục tính với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thi hành án xong.

Bị đơn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn tham gia tố tụng tại tòa án thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 71, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đối với bị đơn: Chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc, lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết; Bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Nguyên đơn cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ có đơn khởi kiện đối với bị đơn là Công ty TNHH M về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Đây là vụ án tranh chấp giữa các chủ thể có mục đích kinh doanh là tranh chấp phát sinh trong kinh

doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có trụ sở tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn đến Tòa án nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa để tham gia tố tụng trong vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do lần thứ hai tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ về việc buộc Công ty TNHH M phải trả số tiền tạm tính đến thời điểm xét xử ngày 10/9/2024 là 336.482.358 đồng; trong đó: dư nợ gốc là 149.897.286 đồng; lãi trong hạn là 79.485.774 đồng, lãi quá hạn (lãi trên gốc quá hạn): 81.029.309 đồng, lãi chậm trả (lãi trên lãi quá hạn) là 26.069.989 đồng; số tiền lãi sẽ được tiếp tục tính với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thi hành án xong.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp gồm: Hợp đồng cho vay số 280/2019/HĐTD/PVB-CN.GV ngày 05/9/2019, Khế ước nhận nợ ngày 05/9/2019, Biên bản đấu giá tài sản ngày 23/11/2021 có căn cứ xác định Công ty TNHH M được Ngân hàng TMCP Đ cho vay với số tiền là 532.000.000 đồng để mua xe ô tô Ford Transit JX6581T–M4-ST4, thời hạn vay là 60 tháng. Do quá trình vay vốn, Công ty TNHH M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô Ford Transit JX6581T–M4-ST4 có BKS: 51B-413.63 để thu hồi nợ. Số tiền thông qua đấu giá để thu hồi nợ là 318.066.000 đồng. Tổng số tiền Ngân hàng thu hồi nợ được (bao gồm thanh lý tài sản và bị đơn thanh toán) là 418.995.736 đồng, trong đó nợ gốc là 382.102.713 đồng, lãi trong hạn là 34.820.941 đồng, lãi quá hạn là 1.567.496 đồng, lãi chậm trả là 504.586 đồng. Bị đơn còn nợ tổng số tiền là 285.737.733 đồng, trong đó nợ gốc là 149.897.286 đồng, lãi là 135.840.446 đồng.

Tính đến ngày 10/9/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 336.482.358 đồng; trong đó: dư nợ gốc là 149.897.286 đồng; lãi trong hạn là 79.485.774 đồng, lãi quá hạn (lãi trên gốc quá hạn): 81.029.309 đồng, lãi chậm trả (lãi trên lãi quá hạn) là 26.069.989 đồng.

Do Công ty TNHH M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc Công ty TNHH M phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc tính đến thời điểm xét xử là 149.897.286 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng cho vay số 280/2019/HĐTD/PVB-CN.GV ngày 05/9/2019.

Công ty TNHH M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo cam kết trong hợp đồng và làm phát sinh nợ quá hạn. Tại điểm 2.1.2 khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng cho vay thì lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn là phù hợp quy định pháp luật tại điểm b khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và điểm c khoản 4 Điều 13 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Tại điểm 2.1.3 khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng cho vay thì lãi suất lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền lãi trong hạn chậm trả là phù hợp quy định tại điểm 2.4 khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức, điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và điểm b khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Tính đến ngày 10/9/2024 số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức đã ký bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 186.585.072 đồng, trong đó lãi trong hạn là 79.485.774 đồng, lãi quá hạn (lãi trên gốc quá hạn): 81.029.309 đồng, lãi chậm trả (lãi trên lãi quá hạn) là 26.069.989 đồng. Do đó yêu cầu thanh toán tiền lãi nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3 Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận toàn bộ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UB-TVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng. Bị đơn là Công ty TNHH M phải chịu án phí theo quy định pháp luật trên số tiền của nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận, cụ thể là 16.824.118 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 153, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ điểm b, c khoản 4 Điều 13 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 8; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc Công ty TNHH M phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2024 là 336.482.358 (ba trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn ba trăm năm mươi tám) đồng; trong đó: dư nợ gốc là 149.897.286 đồng; lãi trong hạn là 79.485.774 đồng, lãi quá hạn (lãi trên gốc quá hạn): 81.029.309 đồng, lãi chậm trả (lãi trên lãi quá hạn) là 26.069.989 đồng.

Trả ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tiền lãi nợ quá hạn được tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 280/2019/HĐTD/PVB-CN.GV ngày 05/9/2019 và văn bản liên quan hợp đồng nêu trên.

2. Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền đã đóng là 7.143.444 (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000200 ngày 27/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn là Công ty TNHH M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 16.824.118 (mười sáu triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn một trăm mười tám) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA